

VÀI NÉT KHOA CỬ Ở VIỆT NAM VÀ QUẢNG BÌNH THỜI PHONG KIẾN

HOÀNG HIẾU NGHĨA

Đã từ lâu ông cha ta thấy rằng: “Giành nước trên mình ngựa được nhưng không thể ngồi trên mình ngựa để giữ nước” và muốn giữ nước thì phải coi “Thức giả là nguyên khí của quốc gia” (theo Lịch Triều tiến sĩ đề danh bia ký).

Để có thức giả (người có tri thức), các triều đại phong kiến ở nước ta ra sức mở mang giáo dục đào tạo nhân tài, coi đó là quốc sách hàng đầu. Vì vậy, việc đào tạo nhân tài bằng con đường thi cử là con đường duy nhất đúng. Con đường đó trải qua thi Hương, thi Hội và thi Đình.

1. Con đường dẫn đến thi Hương và thi Hương

Trẻ em từ 6, 7 tuổi đã bắt đầu học Tam tự kinh (kinh ba chữ), Tứ tự kinh (kinh bốn chữ), Ngũ ngôn (văn năm chữ), phải biết phân biệt bằng trắc và biết làm câu đối hai chữ, bốn chữ, về mặt đức dục theo phương châm: “Tiên học lễ, hậu học văn”.

Mười tuổi trở lên phải đọc Tứ thư, Ngũ kinh, Cửu lưu, Chư tử⁽¹⁾; biết làm câu đối thơ (7 chữ) và câu đối phú (8 chữ trở lên); phải học lịch sử Trung Quốc từ thời Bàn cổ, Thương Chu đến Tần, Hán, Minh, Thanh.

Lịch sử Việt Nam học từ thời Hồng Bàng, Đinh, Lê, Lý, Trần đến Nguyễn.

Thầy giáo gồm các vị hổng thi, hoặc đã đỗ đạt nhưng không làm quan và các quan lại về hưu. Kinh phí do phụ huynh đóng góp (trường tư thực). Nhà nước mở các trường ở huyện, phủ, tỉnh gồm những học sinh đã có kiến thức khá.

Hàng năm, các trường này tổ chức ba kỳ thi “Khảo hạch” để chuẩn bị cho thi Hương. Ai đỗ được cả ba trường gọi là Khóa sinh. Các Khóa sinh phải trải qua 4 kỳ thi “Tiến ích” nhằm kiểm tra sự tiến bộ của Khóa sinh.

Thi Tiến ích được tiến hành chặt chẽ và nghiêm túc. Đề thi tương đương với đề thi

Hương. Toàn bộ công việc này do các quan kiểm tra và các quan quản lý giáo dục Huấn đạo (ở huyện), Giáo thụ (phủ), Đốc học (tỉnh) chịu trách nhiệm trước nhà nước.

Khi lập danh sách dự thi Hương, những tên côn đồ lưu manh hoặc con em thuộc phường xướng ca không được dự thi. Triều Nguyễn còn quy định thêm những thí sinh trong kỳ để tang cho cha, hay ông nội đều tạm hoãn.

Trong kỳ thi Hương, những học sinh không làm được bài, thậm chí bỏ giấy trắng nếu có 5 trường hợp trở lên, thuộc huyện, phủ, tỉnh nào thì quan kiểm tra bị cách chức và các quan Huấn đạo, Giáo thụ hoặc Đốc học bị hạ từ 2, 3 cấp. Với quy chế trên buộc thí sinh phải ra sức “sôi kinh nấu sử”, đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm và tính trung thực của người quản thi.

Thi Hương

Thi Hương là công việc của quốc gia được tổ chức ở từng tỉnh hoặc liên tỉnh. Khóa sinh phải qua 4 trường thi. Ai đỗ trường một mới được vào trường hai, đỗ trường hai mới được vào trường ba, đỗ trường ba mới được vào trường bốn. Đỗ trường bốn là trúng tuyển học vị Cống sĩ (cử nhân).

Người đỗ đầu thi Hương gọi là Giải nguyên. Trên 100 năm triều Nguyễn đã tổ chức 41 khoa thi Hương cho các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Thừa Thiên và Kinh đô Huế. Quảng Bình có 9 vị đỗ Giải nguyên, gồm: Nguyễn Tịnh, ở Cảnh Dương, Quảng Trạch (1825); Lê Tập, ở Lệ Sơn, Quảng Trạch (1826) (nay là xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa); Nguyễn Hàm Ninh, ở Trung Thuần, Quảng Trạch (1831); Nguyễn Danh Dị, ở Phan Long, Quảng Trạch (1834) (nay là phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn); Trần Văn Chuẩn, ở La Hà, Quảng Trạch (1861) (nay là xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn); Tạ Khuê, ở La Hà, Quảng Trạch (1867) (nay là xã Quảng Văn, thị xã Ba

Đồn); Nguyễn Văn Diên, ở Thạch Bàn, Lê Thủy (1864); Trần Tiến Ích, ở Thổ Ngọa, Quảng Trạch (1879) (nay là phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn); Lê Văn Diên, ở Lộc An, Quảng Ninh (1897).

Đặc biệt, ở bốn khoa thi Hương tổ chức liên tiếp trong các năm 1825, 1826, 1831 và 1834, Quảng Bình có 4 người đỗ Giải nguyên đã gây tiếng vang ở kinh đô Huế và cả nước. Ba kỳ thi tổ chức liên kế nhau trong các năm 1861, 1864, 1867 cũng có 3 vị người Quảng Bình đạt Giải nguyên.

Số trúng chia làm hai loại: Cử nhân và tú tài (trước gọi là công sĩ và sinh đồ) được lấy theo tỷ lệ 1/10 nghĩa là cứ một cử nhân thì lấy 10 tú tài. Ví dụ tại Trường Sơn Nam năm 1708 lấy 80 công sĩ và 800 sinh đồ. Năm 1774 cũng tại Sơn Nam lấy 100 công sĩ và 1.000 sinh đồ.

Dưới triều Nguyễn, ai đỗ cả bốn trường là cử nhân, ba trường là tú tài, gấp 10 con số cử nhân. Từ năm 1807 đến 1918, triều Nguyễn đã tổ chức 41 khoa thi Hương. Số cử nhân trong cả nước là 5.232, trong đó Quảng Bình có 256, đạt gần 5%, tỷ lệ này rất là cao. Các làng có số cử nhân nhiều nhất ở Quảng Bình là: La Hà có 32 người, Lê Sơn 12 người, Cảnh Dương 13 người, Thổ Ngọa 13 người...

Từ những con số trên đã chứng minh rằng, Quảng Bình là vùng đất hiếu học và văn hiến.

2. Thi Hội và thi Đình

Thi Hội

Thi Hội là kỳ thi gian khổ nhất, nhưng nó là đỉnh cao vinh quang của các bậc nho sĩ. Những người đỗ cử nhân mới được dự thi Hội. Cũng như thi Hương, thi Hội phải trải qua 4 trường thi. Ai đỗ đầu cả 4 trường được cấp bằng Tiến sĩ.

Thi Đình

Thi Đình còn gọi là Điện thi, tức là tập trung các Tiến sĩ thi tại sân vua, do vua trực tiếp hỏi bài. Mục đích của kỳ thi này để xếp loại các Tiến sĩ và phong tặng các danh hiệu tam khôi: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa...

Trong lịch sử khoa cử của nước ta có những kỳ thi cao hơn khoa Tiến sĩ gọi là khoa Đông các. Khoa này dành riêng cho những người

từng làm quan, nhưng chưa thỏa mãn với học vị của mình nên tự nguyện ghi tên dự thi để mong đạt danh hiệu Tam khôi, Hoàng giáp...

Tổ chức kỳ thi Đông các nhằm khuyến khích các quan lại tự học để tiến thân trên con đường khoa bảng.

Tên các học vị

Do tên các khóa thi khác nhau, nên học vị cũng gọi khác nhau. Ví dụ tên Thái học sinh có từ năm 1232 đời Trần Thái Tông cho đến năm 1400 đời Hồ Quý Ly. Học vị Tiên sĩ có từ năm 1442 đời Lê Thái Tông cho đến 1919 triều Nguyễn.

Nhìn chung Tiên sĩ chia làm 6 bậc:

- Trạng nguyên (Đệ nhất giáp, đệ nhất danh).

- Bảng nhãn (Đệ nhất giáp, đệ nhị danh).

- Thám hoa (Đệ nhất giáp, đệ tam danh)

Cả ba danh hiệu này gọi là Tam khôi, có thời gọi Tiên sĩ cấp đệ:

- Hoàng giáp (Đệ nhị giáp, có thời gọi tiên sĩ xuất thân).

- Tiên sĩ (Đệ tam giáp, có thời gọi là đồng tiến sĩ xuất thân).

- Phó bảng (Danh từ Phó bảng có từ năm 1829, thời Minh Mạng).

Triều Nguyễn không lấy Trạng nguyên và Phó bảng không được dự thi Đình.

Giữa Tiên sĩ và Phó bảng được lấy theo một tỷ lệ nhất định. Ví dụ: năm 1843, vua Thiệu Trị lấy 25 người đỗ đại khoa, thì có 10 Tiên sĩ và 15 Phó bảng. Trong 30 kỳ thi từ 1882 - 1912 lấy 229 Tiên sĩ và 331 Phó bảng.

Qua 7 triều đại: Lý, Trần, Hồ, Lê, Mạc, Hậu Lê và Nguyễn đã tổ chức 185 kỳ thi. Trúng tuyển 2.906 lượt người (có người đỗ 2, 3 lần), còn số người đỗ là 2.875. Quảng Bình có 48 người. Số Trạng nguyên cả nước là 56, trong đó Quảng Bình có Trương Xán là người Quảng Trạch.

Dưới triều Nguyễn có 40 kỳ thi Hội, có 588 đỗ đại khoa. Quảng Bình có 43 người, chiếm tỷ lệ gần 8%. Nghĩa là trong số 100 cả nước, Quảng Bình có 8 người. Có hai Hoàng giáp là Phạm Duy Đôn, quê Thanh Thủy, Quảng Trạch

(Xem tiếp trang 52)